

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC QUÂN KHU 2**

Bản án số: 07/2021/HS-ST

Ngày 28 - 10 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Nguyễn Bá Hùng.

Các Hội thẩm quân nhân:

1// Nguyễn Quốc Trị;

4/ Nguyễn Chí Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: 3/ Bùi Văn Nghĩa, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22 tham gia phiên tòa:

1// Nguyễn Chí Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Giàng Mí T, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1992 tại xã SV, huyện MV, tỉnh HG; nơi cư trú: Thôn XH, xã SV, huyện MV, tỉnh HG; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng Mí C (tên gọi khác: Giàng Mí S - đã chết) và bà Già Thị G; chung sống như vợ chồng với Lầu Thị M và có ba con (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hoặc xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 19/6/2021; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lương Thị Ngọc P, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- Người phiên dịch: Ông Thào A S1; có mặt.

- Người làm chứng: Giàng Mí L, Giàng Mí T1, Hứa Văn C1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 17/12/2011, do Vừ Mí D uống rượu say nên Giàng Mí T đưa D về và ngủ lại nhà D. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, T tỉnh giấc nhìn ra phía cửa thì thấy Giàng Mí L ngồi hút thuốc lào ở gian giữa nhà D. Khi L dùng đèn pin soi, T thấy cách vị trí L ngồi khoảng 02m có 01 bình ắc quy, T hỏi L “Mày trộm cắp ắc quy ở đâu về”, L trả lời “Ở trạm phát sóng Viettel” và hỏi T “Có mua không?”, T trả lời “Có, nhưng xem bình ắc quy có điện không đã”. L lấy hai đoạn dây điện đưa T thử vào hai cực bình ắc quy nhưng không thấy có điện, T nói “Không có điện thì không mua”, L nói với T “Còn một chiếc ở dưới này nữa”. L cất bình ắc quy này vào góc nhà rồi cầm đèn pin và cùng T đi xuống khe đất nhà ông Giàng Mí N, cách nhà D khoảng 100m, nơi L cất giấu 01 bình ắc quy khác. Đến nơi, T dùng hai đoạn dây điện thử thì thấy bình ắc quy có điện nên đồng ý mua. T và L mang bình ắc quy về nhà D, L đồng ý bán cho T với giá 500.000 đồng. T và L mang bình ắc quy trên về nhà anh trai của Trọ là Giàng Mí T1. T gọi T1 ra mở cửa, rồi vay của T1 500.000 đồng và trả tiền cho L, cất bình ắc quy lên gác nhà T1. Khoảng 3 đến 4 ngày sau, T bán chiếc bình ắc quy trên cho Hứa Văn C1 tại nhà của Giàng Mí T1 với giá 770.000 đồng, T trả cho T1 500.000 đồng, số tiền 270.000 đồng còn lại, T chi tiêu cá nhân hết.

Về nguồn gốc của các bình ắc quy, kết quả điều tra xác định: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 17/12/2011, Giàng Mí L đã có hành vi dùng cờ lê tháo 02 bình ắc quy nhãn hiệu BSB 12V-155Ah FAG 12-155Ah tại trạm phát sóng HGG 284 - chi nhánh Viettel Hà Giang. 01 bình ắc quy có mác FC90016011 L giấu ở khe đất nhà ông Giàng Mí N, 01 bình ắc quy có mác FC90012548 L mang về nhà D.

Kết luận định giá tài sản số 02/KL-TCKH ngày 11/5/2012 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự - UBND huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang xác định: 01 bình ắc quy BSB 12V-155Ah FAG 12-155AH đã qua sử dụng tại thời điểm năm 2011 trị giá 4.285.105 đồng.

Với hành vi chiếm đoạt 02 bình ắc quy của Chi nhánh Viettel tỉnh Hà Giang, Giàng Mí L đã bị Tòa án quân sự Khu vực 1 - Quân khu 2 xử phạt 24 tháng tù về tội “Phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia” theo khoản 1 Điều 231 Bộ luật Hình sự (BLHS) 1999 tại Bản án số 07/2012/HSST, ngày 16/8/2012.

Quá trình giải quyết vụ án, T bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập ngày 15/7/2012 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22. Ngày 25/7/2012, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22 và Công an xã SV, huyện MV tiến hành xác minh xác định T không có mặt tại gia đình và địa phương. Do đó, ngày 26/7/2012, Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp - Bộ Quốc phòng đã ra quyết định truy nã đối với Giàng Mí T. Đến ngày 19/6/2021, Trọ bị Công an xã SV, huyện MV bắt theo quyết định truy nã.

Tại phiên tòa, bị cáo Giàng Mí T khai nhận hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã nêu và có nội dung: ... Bị cáo thấy cách chỗ L ngồi khoảng 02m có 01 bình ắc quy, bị cáo hỏi L “Mày trộm cắp ắc quy ở đâu về” thì L trả lời “Ở trạm phát sóng Viettel”... Bị cáo không hỏi nhưng hiểu bình ắc quy giấu tại khe đất nhà ông Giàng Mí N cũng là do L trộm cắp được của Viettel... việc thỏa thuận mua bán ắc quy tại nhà Vừ Mí D chỉ có bị cáo và L biết... bị cáo biết là tài sản trộm cắp nhưng vẫn mua vì nghĩ rẻ hơn... khi bán bình ắc quy cho Hứa Văn C1 thì Giàng Mí T1 ở nhà nhưng T1 không quan tâm và cũng không hỏi bị cáo; C1 không hỏi bị cáo về nguồn gốc của chiếc bình ắc quy... số tiền 770.000 đồng bán bình ắc quy, bị cáo đã trả cho T1 500.000 đồng, còn lại 270.000 đồng bị cáo đã chi tiêu hết... Trước khi gặp L tại nhà của D, bị cáo không gặp, không trao đổi hay hứa hẹn gì về việc mua bán bình ắc quy với L...

Lời khai của bị cáo khi bị bắt tại công an xã SV, huyện MV và tại cơ quan điều tra có nội dung:... khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu đến làm việc, do sợ nên tôi đã không đến...sau khi bị truy nã, tôi thường quanh quẩn tại địa phương; ban ngày và khi có người lạ đến là tôi lên rừng trốn, ban đêm mới về nhà...

Lời khai của Giàng Mí L tại cơ quan điều tra và phiên tòa ngày 16/8/2012 có nội dung: Sau khi trộm cắp được 02 bình ắc quy tại trạm phát sóng BTS HGG 284 của chi nhánh Viettel Hà Giang, 01 bình tôi giấu ở khe đất, 01 bình tôi vác về nhà D... T hỏi tôi “Mày trộm ắc quy ở đâu về”, tôi trả lời “Ở trạm phát sóng Viettel” và hỏi T “Mày có mua bình ắc quy không” thì T trả lời “Có”... khi thử không có điện, T nói không mua thì tôi nói “Còn một chiếc ở dưới này nữa”... T dùng dây điện thử thấy ắc quy có điện và T đồng ý mua... tôi đồng ý bán cho T với giá 500.000 đồng...

Lời khai của Giàng Mí T1 tại cơ quan điều tra có nội dung: Khoảng tháng 12/2011, thời gian gần về sáng, T mượn tôi 500.000 đồng để mua ắc quy. T trả tiền cho Giàng Mí L và gửi ắc quy ở nhà tôi... khoảng mấy ngày sau C1 và T đến nhà tôi, sau khi bàn bạc việc mua bán ắc quy, C1 đưa tiền cho T, sau đó T đưa tôi 500.000 đồng... việc bàn bạc mua bán ắc quy giữa T và C1 như thế nào tôi không biết...

Lời khai của Hứa Văn C1 tại cơ quan điều tra có nội dung... T hỏi tôi “Mày có mua ắc quy không?”, tôi nói “Nếu hợp giá thì tao lấy”. T dẫn tôi xuống nhà anh trai của T. Tôi lên gác lấy đoạn dây điện trên bình thử thì thấy có điện. Tôi xuống và thỏa thuận mua với giá 770.000 đồng. Tôi đã trả tiền trực tiếp cho T, thấy T đưa tiền cho anh trai T... Tôi không rõ nguồn gốc chiếc bình ắc quy như thế nào...

Trong đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hứa Văn C1 nêu ý kiến không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 770.000 đồng đã mua bình ắc quy.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 16 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22 truy tố bị cáo Giàng Mí T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS 1999.

Luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh, điều luật như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo; đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về hình sự:

+/- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, điểm p “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 33 BLHS 1999, xử phạt bị cáo Giàng Mí T 04 tháng 12 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam (ngày 19/6/2021) đến ngày 28/10/2021.

+/- Xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh gia đình bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 250 BLHS 1999.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS 1999, tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền 770.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Mí T

Tranh luận tại phiên tòa, trong bài bào chữa đã gửi cho Tòa án, người bào chữa đề nghị HĐXX: Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm k “Phạm tội do lạc hậu”, điểm p “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, điểm h “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, điểm g “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” khoản 1 Điều 46 BLHS 1999; xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn để tuyên phạt bị cáo mức hình phạt tù bằng thời hạn tạm giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS 1999, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa; không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 BLHS 1999 và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo đồng ý với ý kiến bào chữa của người bào chữa.

Đối đáp với ý kiến tranh luận của người bào chữa và bị cáo, Kiểm sát viên cho rằng: Bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn không có nghĩa bị cáo nhận thức kém và bị cáo cũng đã học đến lớp 9/12, bị cáo vì tư lợi mà phạm tội, không phải do lạc hậu. Hành vi phạm tội của bị cáo đã

xâm phạm đến an ninh trật tự trên địa bàn, tiếp tay cho hành vi chiếm đoạt tài sản và thực tế tài sản tại các trạm phát sóng của Viettel trên địa bàn liên tục bị xâm hại. Do đó, không chấp nhận ý kiến của người bào chữa về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm k “Phạm tội do lạc hậu”, điểm g “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” khoản 1 Điều 46 BLHS 1999.

Lời nói sau cùng, bị cáo rất hối hận về hành vi vi phạm của mình, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong vụ án đều được thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo

Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở nhận định:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 17/12/2011, sau khi lén lút chiếm đoạt được 02 bình ắc quy BSB 12V-155Ah FAG 12-155Ah tại trạm phát sóng HGG 284 - chi nhánh Viettel Hà Giang, Giàng Mí L giấu 01 bình ở khe đất nhà ông Giàng Mí N và mang 01 bình về nhà của Vừ Mí D. Tại nhà của D, L đã nói cho Giàng Mí T biết bình ắc quy là do L trộm cắp được mà có và T đồng ý mua 01 bình ắc quy BSB 12V-155Ah FAG 12-155Ah có mác FC90016011 Lúa giấu tại khe đất nhà ông Giàng Mí N với giá 500.000 đồng.

Hành vi trộm cắp 02 bình ắc quy BSB 12V-155Ah FAG 12-155Ah trị giá 4.285.105 đồng/ 01 bình của Giàng Mí L tại trạm phát sóng của chi nhánh Viettel Hà Giang đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên bình ắc quy L bán cho bị cáo là tài sản do phạm tội mà có.

Do không hứa hẹn trước nên hành vi của bị cáo mua 01 bình ắc quy khi biết rõ đây là tài sản do Giàng Mí L phạm tội mà có đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, so sánh quy định của BLHS 1999

với BLHS 2015 thấy: Khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS 2015 là nặng hơn so với khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS 1999. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 7 BLHS 2015; điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, thì BLHS 1999 được áp dụng đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Giàng Mí T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS 1999. Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về hành vi của Giàng Mí T1 và Hứa Văn C1

Quá trình bị cáo mua bình ắc quy của Giàng Mí L rồi bán lại cho Hứa Văn C1, Giàng Mí T1 có chứng kiến và cho bị cáo vay tiền để mua nhưng cả T1 và C1 đều không biết đây là tài sản do L phạm tội mà có nên Giàng Mí T1 không đồng phạm với bị cáo; Hứa Văn C1 không phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 BLHS 1999. Cơ quan tiến hành tố tụng không xử lý đối với hành vi của Giàng Mí T1 và Hứa Văn C1 là có cơ sở.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn; xong đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của Nhà nước giao cho Quân đội và tổ chức quản lý, được pháp luật bảo vệ; gây trở ngại cho hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng nên cần thiết phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Xem xét nguyên nhân, điều kiện phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn 9/12 nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Mặc dù biết bình ắc quy là tài sản do Giàng Mí L phạm tội mà có, nhưng vì ham rẻ nên bị cáo vẫn mua rồi bán cho người khác nhằm thu lợi bất chính.

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt; chưa từng bị xét xử hay xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Tuy nhiên, trong quá trình vụ án đang được giải quyết, bị cáo đã cố tình trốn tránh và bị truy nã.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và tội đã phạm là ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm p “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, điểm h “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” khoản 1 Điều 46 BLHS 1999.

Bị cáo tuy sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng đã được học đến lớp 9/12, được giáo dục về các quy tắc sống, đạo đức xã hội; hành vi phạm tội của bị cáo là vì tư lợi chứ không phải do hủ tục lạc hậu; quan hệ xã hội bị hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm không phải là quan hệ sở hữu mà là trật tự công cộng, gây trở ngại cho hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng và thiệt hại này đã xảy ra. Do đó, không chấp nhận ý kiến của người bào chữa về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm k “Phạm tội do lạc hậu”, điểm g “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 cho bị cáo. Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Căn cứ vào mục đích của hình phạt cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, HĐXX thấy trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, tội đã phạm là ít nghiêm trọng; nhận thức về pháp luật còn hạn chế nên được áp dụng Điều 47 BLHS 1999 để quyết định hình phạt. Tuy nhiên, do quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã cố tình trốn tránh, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét thấy bị cáo chỉ làm nương, hiện đang nuôi 03 con nhỏ và mẹ già nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 BLHS 1999.

[6] Về biện pháp tư pháp

Anh Hứa Văn C1 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 770.000 đồng đã dùng để mua bình ắc quy nên HĐXX không xem xét giải quyết trách nhiệm hoàn trả của bị cáo đối với anh Hứa Văn C1.

Tuy nhiên, đây là tiền bị cáo có được từ việc mua bán tài sản do người khác phạm tội mà có nên HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS 1999 tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 770.000 đồng. Bị cáo phải nộp số tiền này.

[7] Về xử lý vật chứng

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hứa Văn C1 đã nộp lại bình ắc quy BSB 12V-155Ah FAG 12-155Ah có mác FC90016011 mua của bị cáo; cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là Chi nhánh Viettel Hà Giang nên HĐXX không xem xét, giải quyết lại.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, HĐXX chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo, người bào chữa, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Giàng Mí T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 33 BLHS 1999, xử phạt bị cáo Giàng Mí T 04 (bốn) tháng 12 (mười hai) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 19/6/2021).

2. Về biện pháp tư pháp

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS 1999, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 770.000 đồng. Bị cáo phải nộp số tiền này.

3. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/10/2021), bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 2./.

Nơi nhận:

- TAQSTW;
- TAQSQK2;
- VKSQSQK2;
- VKSQSKV22;
- CQĐTHSKV1 các TCSN;
- CQTHAHSQK2;
- Phòng THAQK2;
- Bị cáo T;
- Người bào chữa;
- Trại Tạm giam QK2;
- Lưu: THAHS, HSVA; H12.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

4/ Nguyễn Bá Hùng